TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 28/02/2023
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tuyển

2. Ông Lê Khắc Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-DS ngày 06/4/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 03/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bùi Thị P, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; Phan Tấn H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Bùi Thị P trình bày:* Nguyên đơn có cho bị đơn vợ chồng ông Phan Tấn H, bà Nguyễn Thị Xuân L vay tổng số tiền 220.000.000đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 08/5/2019 (âm lịch), bị đơn vay nguyên đơn số tiền **30.000.000đ**; Có viết giấy nhận nợ, ký tên, không hẹn thời hạn trả.

Lần thứ hai: Ngày 13/6/2019 (âm lịch), bị đơn vay nguyên đơn số tiền 20.000.000đ. Sau đó cộng dồn các khoản nợ mà bị đơn chưa trả cho nguyên đơn là 50.000.000đ, nên bị đơn viết giấy nhận nợ tổng cộng là **70.000.000đ**, ký tên, không hẹn thời hạn trả.

Lần thứ ba: Ngày 24/6/2019 (âm lịch), bị đơn tiếp tục vay nguyên đơn số tiền **30.000.000đ**; bị đơn có viết giấy nhận nợ, ký tên, hẹn mỗi tháng trả 10 triệu trong vòng ba tháng.

Lần thứ tư: Ngày 07/7/2019 (âm lịch), bị đơn vay nguyên đơn số tiền **40.000.000đ**. Có viết giấy nhận nợ, ký tên, không hẹn thời hạn trả.

Lần thứ năm: Ngày 18/7/2019 (âm lịch), bị đơn có vay nguyên đơn số tiền **20.000.000đ**. Có viết giấy nhận nợ, hẹn trả 1.000.000đ/ngày, trong vòng 20 ngày là trả hết nợ.

Lần thứ sáu: Ngày 19/7/2019 (âm lịch), bị đơn vay nguyên đơn số tiền **10.000.000đ**. Có viết giấy nhận nợ, hẹn trả 1.000.000đ/ngày, trong vòng 20 ngày là trả hết nợ.

Lần thứ bảy: Ngày 08/8/2019 (âm lịch), bị đơn vay nguyên đơn số tiền **20.000.000đ**. Có viết giấy nhận nợ, hẹn trả 1.000.000đ/ngày, trong vòng 20 ngày là trả hết nợ.

Sau đó vợ chồng bà L, ông H không trả mà bỏ đi khỏi địa phương, không liên lạc được. Nguyên đơn làm đơn tố cáo vợ chồng bà L, ông H đến Công an huyện T. Vào ngày 07/5/2020, tại Công an huyện T, vợ chồng ông H, bà L và bà Bùi Thị P lập "Giấy tự nguyện thỏa thuận", theo đó vợ chồng ông H, bà L thừa nhận nợ số tiền 220.000.000đ nói trên, cam kết trả dần cho bà P mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đầu từ tháng 6/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ 220.000.000đ. Vì vậy, bà P đề nghị Tòa buộc vợ chồng bà L, ông H trả số nợ 220.000.000đ. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân L, ông Phan Tấn H* vắng mặt tại địa phương, đã được thông báo tìm kiếm theo quy định, đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng vẫn vắng mặt, không nộp bản ý kiến; đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu không hòa giải nên Toà án nhân dân huyện T không tiến hành hoà giải được.

**** Tại phiên tòa:*** Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với khoản tiền nợ 50.000.000đ của lần vay thứ hai vào ngày 13/6/2019; và sau khi lập "Giấy tự nguyện thỏa thuận", vợ chồng ông H, bà L đã thực hiện trả nợ 03 tháng, với tổng số tiền 6.000.000đ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là **164.000.000đ**, không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bị đơn trả nợ vay cho nguyên đơn số tiền gốc 164.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của TAND huyện T theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Bị đơn vắng mặt, đã được thông báo tìm kiếm theo quy định *(Quyết định số 07/2022/QĐST-VDS ngày 11/8/2022; Quyết định số 76/QĐ-TA ngày 29/8/2022 về việc chấp nhận và thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Phan Tấn H, bà Nguyễn Thị Xuân L, thời gian phát thông báo tìm kiếm lần đầu: Ngày 31/8/2022),* đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng ông H, bà L vẫn vắng mặt. Áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn Bùi Thị P khai vợ chồng ông H, bà L vay tổng số tiền 220.000.000đ *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)*; cung cấp hai giấy nợ đề ngày 18/7/2019 và 08/8/2019 có nội dung bà Nguyễn Thị Xuân L vay tiền bà Bùi Thị P, có chữ ký của bà L, không có chữ ký ông H; cung cấp ba giấy nợ đề các ngày 08/5/2019, 13/6/2019, 24/6/2019, 07/7/2019 và 19/7/2019 có nội dung ông Phan Tấn H vay tiền bà Bùi Thị P, có chữ ký của ông H, không có chữ ký bà L. Đồng thời nguyên đơn cung cấp một "Giấy tự nguyện thỏa thuận" lập ngày 07/5/2020, có nội dung vợ chồng ông H, bà L thừa nhận nợ bà P tổng số tiền 220.000.000đ *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)* nêu trên, có chữ ký của ông H, bà L.

Quá trình giải quyết, ông H, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn nên đủ cơ sở xác định vợ chồng ông H, bà L còn nợ bà P số tiền 220.000.000đ *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)* đúng như bà P khai.

Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* của lần vay thứ hai vào ngày 13/6/2019; đồng thời sau khi lập "Giấy tự nguyện thỏa thuận", vợ chồng ông H, bà L đã thực hiện trả nợ 03 tháng, với tổng số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)*. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 164.000.000đ *(Một trăm sáu mươi bốn triệu đồng)*, không yêu cầu trả lãi. Xét, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của tổng số tiền gốc phải trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị P.

Buộc bị đơn ông Phan Tấn H, bà Nguyễn Thị Xuân L phải trả cho nguyên đơn Bùi Thị P số tiền 164.000.000đ (*Một trăm sáu mươi bốn triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bị đơn ông Phan Tấn H, bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu 8.200.000đ *(Tám triệu hai trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Bùi Thị P số tiền 5.350.000đ *(Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002325 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền